

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24...../XNK-TCKT

An Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2020

(V/v giải trình lợi nhuận quý 4/2019 tăng/giảm
so với quý 4/2018)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2019 tăng/giảm so với quý 4/2018 là do nguyên nhân chủ yếu như sau:

1. BCTC riêng:

Trong quý 4 năm 2019, doanh thu thuần tăng 27,8%, giá vốn hàng bán tăng 29,5% đã làm lợi nhuận gộp tăng 9,8%. Đặc biệt, doanh thu hoạt động tài chính tăng 74,6% và lợi nhuận khác tăng 295,9% so với quý 4/2018. Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 9.948 triệu đồng, tăng 20% so với cùng kỳ.

2. BCTC hợp nhất:

Trong quý 4 năm 2019, doanh thu thuần tăng 31,5%, giá vốn hàng bán tăng 33,1% đã làm lợi nhuận gộp tăng 15,3%. Tuy nhiên, do lãi lỗ từ Công ty liên doanh liên kết giảm 39,5% so với cùng kỳ đã làm cho lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 9.426 triệu đồng, giảm 5,8% so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC Hợp nhất			
	Quý 4/2018	Quý 4/2019	Chênh lệch	%	Quý 4/2018	Quý 4/2019	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần BH và CCDV	420.622	537.510	116.888	27,8	420.622	553.167	132.545	31,5
Giá vốn hàng bán	383.835	497.114	113.279	29,5	383.835	510.763	126.928	33,1
Lợi nhuận gộp	36.787	40.396	3.609	9,8	36.787	42.404	5.617	15,3
Doanh thu hoạt động tài chính	4.575	7.987	3.412	74,6	1.384	5.059	3.674	265,4
Chi phí tài chính	1.612	4.040	2.428	150,5	1.612	4.258	2.646	164,1
Trong đó: lãi vay	1.437	3.733	2.296	159,8	1.437	3.733	2.296	159,8
Phân lãi lỗ trong Cty LDLK					4.907	2.969	(1.938)	(39,5)
Chi phí bán hàng	26.238	30.018	3.780	14,4	26.238	31.463	5.225	19,9
Chi phí quản lý DN	4.557	4.164	(393)	(8,6)	4.557	5.071	514	11,3
Lợi nhuận từ hoạt động KD	8.955	10.162	1.207	13,5	10.671	9.640	(1.031)	(9,7)
Lợi nhuận khác	471	1.866	1.394	295,9	1.866	1.866	1.394	295,9
Tổng lợi nhuận trước thuế	9.426	12.028	2.601	27,6	11.143	11.506	363	3,3
Thuế TNDN	1.135	2.080	944	83,2	1.135	2.080	944	83,2
Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.291	9.948	1.657	20,0	10.007	9.426	(581)	(5,8)

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT



VÕ THANH BÀO